

Bản án số: **629/2019/HS-ST**
Ngày: 25/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Long
2. Bà Trần Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 620/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 620/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu Đ, tên gọi khác: Không, sinh năm 1981 tại TH; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ X kể từ ngày 01/9/2019 (trước đây là tổ 2), phường P, thành phố TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Bá B, sinh năm 1947 và con bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1949; Bị cáo có vợ là Dương Thị T, sinh năm 1986; Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án: Không;

Tiền sự: Tại Quyết định số 0034828/QĐ -XPHC ngày 19/02/2019, Công an phường TL ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản. Mức phạt 1.500.000đ. Bị cáo đã nộp ngày 19/02/2019.

Nhân thân:

+ Tại bản án số 111/2011/HSST ngày 21/12/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh TH xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản,,. Đ đã nộp án phí ngày 09/3/2012.

+ Tại bản án số 133/2013/HSST ngày 22/4/2013 của Tòa án nhân dân thành phố TH xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đ đã nộp án phí ngày 24/6/2013.

+ Tại bản án số 619/2014/HSST ngày 22/12/2014 của Tòa án nhân dân thành phố TH xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản,,. Đ đã nộp án phí ngày 04/5/2015.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 11/8/2019 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh TH. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

- *Bị hại:* Anh Đàm Thanh L, sinh năm 1986 (Vắng mặt) - trú tại: Tổ Z, phường P, thành phố TH, tỉnh TH.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Quốc B1, sinh năm 1989 – trú tại tổ Y, phường T, thành phố TH (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 – trú tại tổ S, phường P, thành phố TH (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu Đ là đối tượng đã có tiền sự, không có nghề nghiệp. Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 09/8/2019, Đ điều khiển xe mô tô BKS 20AA -014.11(xe Đ mượn của chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1976 – trú tại tổ N, phường P, thành phố TH là chị gái Đ) đến cửa hàng sửa chữa điện thoại “Thanh L” do anh Đàm Thanh L, sinh năm 1986 - trú tại: Tổ Z, phường P, thành phố TH làm chủ để cất thẻ sim lắp vào điện thoại di động của mình. Khi đến nơi, Đ thấy cửa hàng của anh L đang mở cửa. Đ để xe mô tô trước cửa rồi đi vào trong quán, đến bàn làm việc của anh L, thấy trên bàn có một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC Desire 10 vỏ màu trắng, đã qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại vỏ màu đỏ. Đ quan sát thấy anh L đang rửa bát quay lưng ra ngoài, nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại. Đ dùng tay phải lấy trộm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC Desire 10 vỏ màu trắng cho vào trong túi quần bên phải đang mặc rồi đi ra khỏi quán. Sau khi lấy trộm chiếc điện thoại, Đ đi về nhà. Đến khoảng 09 giờ ngày 10/8/2019, Đ mang điện thoại trộm cắp được đến bán cho anh Trần Quốc B1 là chủ cửa hàng điện thoại di động “Dr.Pin” ở tổ 8, phường T, thành phố TH lấy 400.000đ. Số tiền trên Đ chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện. Còn chiếc điện thoại di động chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC Desire 10 vỏ màu trắng anh Bộ nộp lại cho cơ quan điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 232/HĐĐGTS ngày 14/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố TH kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC Desire 10 vỏ màu trắng, đã qua sử dụng có trị giá 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Hữu Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Vật chứng của vụ án: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC Desire 10 vỏ màu trắng đã được thu hồi trả lại cho anh L. Anh L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Số tiền 400.000đ là số tiền bị cáo bán tài sản đã được thu giữ trả lại cho anh Trần Quốc B1.

Tại bản cáo trạng số 618/CT - VKSTPTN ngày 07 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH, tỉnh TH đã truy tố Nguyễn Hữu Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Đ về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ từ 18 đến 24 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Không xem xét.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan. Bị cáo nói lời sau cùng ăn năn hối hận vì hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử cho được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan toàn bộ các chứng cứ, ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo; bị hại, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên thành phố TH trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo thấy: Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 09/8/2019 tại cửa hàng sửa chữa điện thoại di động “Thanh L” ở tổ Z, phường P, thành phố TH. Nguyễn Hữu Đ có 01 tiền sự về hành vi “Trộm cắp tài sản,, đã lợi dụng việc anh L không có mặt ở quầy hàng trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC Desire 10 vỏ màu trắng, đã qua sử dụng có trị giá 1.000.000đ (Một triệu đồng) của

anh Đàm Thanh L rồi mang bán cho anh Trần Quốc B1 lấy 400.000đ. Đ chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ.

Anh L đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC Desire 10 vỏ màu trắng, đã qua sử dụng và không yêu cầu Đ bồi thường gì khác. Số tiền 400.000đ cơ quan điều tra đã thu giữ trả cho anh Trần Quốc B1.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản sự việc, vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định:

Nguyễn Hữu Đ có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật. Nhưng vì lòng tham, lười lao động và lợi dụng sự sơ hở của người khác, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với lỗi cố ý. Tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000đ, song ngày 19/02/2019, Công an phường TL đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản. Mức phạt 1.500.000đ. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 BLHS quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..

a) Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm”.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Hữu Đ có nhân thân rất xấu, đã ba lần bị Tòa án xét xử về tội chiếm đoạt tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục lao sâu vào con đường phạm tội. Trong vụ án này, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS. Song cũng cần xét xử bị cáo một mức án thật nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, Hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Hiện nay bị cáo không có công ăn việc làm, không có tài sản. Do đó xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC Desire

10 vỏ màu trắng, đã qua sử dụng đã trả lại cho anh Đàm Thanh L là chủ sở hữu sử dụng. Anh L không có yêu cầu gì khác. Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Quốc B1 đã nhận lại số tiền 400.000đ và cũng không có đề nghị gì khác, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đã thu hồi trả cho bị hại quản lý, sử dụng.

[8] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với anh Trần Quốc B1 là người đã mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC của Đ nhưng anh B1 không biết tài sản đó là do Đ trộm cắp được mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với bà Nguyễn Thị T là người đã cho Đ mượn chiếc xe mô tô BKS 20AA – 141.11 nhưng bà T không biết Đ sử dụng chiếc xe để đi trộm cắp tài sản nên cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố TH không xử lý.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố Nguyễn Hữu Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu Đ 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2019.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADS thành phố TH;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Bị cáo
- Lưu HS.

Trương Thị Thanh Trúc